

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH BÌNH DƯƠNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 2614/QĐ-UBND

Bình Dương, ngày 20 tháng 9 năm 2018

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc đề nghị phê duyệt đồ án Điều chỉnh tổng thể quy hoạch
chung thị xã Dĩ An đến năm 2040**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/06/2015;

Căn cứ Luật Quy hoạch đô thị ngày 17/06/2009;

Căn cứ Nghị định số 37/2010/NĐ-CP ngày 07/04/2010 của Chính phủ về lập, thẩm định, phê duyệt và quản lý quy hoạch đô thị;

Căn cứ Thông tư số 12/2016/TT-BXD ngày 29/06/2016 của Bộ Xây dựng về việc Quy định về hồ sơ nhiệm vụ và đồ án quy hoạch xây dựng vùng, quy hoạch đô thị và quy hoạch xây dựng khu chức năng đặc thù;

Căn cứ ý kiến của Bộ Xây dựng tại Công văn số 1808/BXD-QHKT ngày 23/7/2018 về việc góp ý đồ án Điều chỉnh tổng thể quy hoạch chung thị xã Dĩ An đến năm 2040;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Xây dựng tại Tờ trình số 3046/TTr-SXD ngày 12 tháng 9 năm 2018,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt đồ án Điều chỉnh tổng thể quy hoạch chung thị xã Dĩ An đến năm 2040, với những nội dung chính như sau:

1. Phạm vi và ranh giới lập điều chỉnh quy hoạch:

- Phạm vi lập điều chỉnh quy hoạch theo địa giới hành chính thị xã Dĩ An gồm 7 phường: Dĩ An, An Bình, Bình An, Bình Thắng, Đông Hòa, Tân Đông Hiệp và Tân Bình với tứ cận như sau:

+ Phía Bắc giáp: Thị xã Tân Uyên, tỉnh Bình Dương;

+ Phía Nam giáp: Quận Thủ Đức (thành phố Hồ Chí Minh);

+ Phía Đông giáp: Sông Đồng Nai (tỉnh Đồng Nai) và quận 9 (thành phố Hồ Chí Minh);

- + Phía Tây giáp: Thị xã Thuận An, tỉnh Bình Dương,
- Quy mô diện tích toàn đô thị: 6.010 ha.

2. Tính chất, chức năng của đô thị:

2.1. Tính chất:

- Định hướng đô thị Dĩ An đến 2030: Là đô thị công nghiệp - dịch vụ - giáo dục, đầu mối giao thông đường bộ, đường sắt và một phần đường thủy của khu vực Nam Bình Dương và phía Đông thành phố Hồ Chí Minh, có vị trí quan trọng về an ninh quốc phòng.

- Định hướng đô thị Dĩ An đến 2040: Đô thị Dĩ An là đô thị dịch vụ - giáo dục - công nghiệp, Trung tâm đô thị đại học, đầu mối giao thông vùng, trong đó công nghiệp được định hướng phát triển theo chuyên sâu.

2.2. Chức năng:

- Là không gian liên kết vùng giữa đô thị Bình Dương và thành phố Hồ Chí Minh;
- Là trung tâm dịch vụ thương mại và công nghiệp công nghệ cao gắn với phát triển giao thông đầu mối;
- Là trung tâm giáo dục, đào tạo cấp vùng;
- Là trung tâm dịch vụ, thương mại kết hợp với các khu ở mật độ cao;
- Là trung tâm phát triển Logistic kết hợp với phát triển đô thị.

3. Quy mô dân số, quy mô đất đai đô thị theo các giai đoạn phát triển

3.1. Quy mô dân số:

- Đến năm 2030, dân số đạt khoảng 600.000 người.
- Đến năm 2040, dân số đạt khoảng 700.000 người..

3.2. Chỉ tiêu đất đô thị:

Đến năm 2030: Diện tích đất đô thị khoảng 5.854,0 ha, trong đó đất dân dụng khoảng 4.293,7 ha, chỉ tiêu đất xây dựng đô thị khoảng 97,6 m²/người;

Đến năm 2040: Diện tích đất đô thị không thay đổi so với năm 2030 khoảng 5.854,0 ha, trong đó đất dân dụng khoảng 4.345,9 ha, chỉ tiêu đất xây dựng đô thị khoảng 83,6 m²/người.

4. Các chỉ tiêu kinh tế - kỹ thuật chủ yếu và định hướng phát triển đô thị:

4.1. Các chỉ tiêu kinh tế - kỹ thuật chủ yếu:

Chỉ tiêu đất xây dựng đô thị: 80 - 100m²/người.

Các chỉ tiêu xây dựng cơ sở hạ tầng kỹ thuật: Chỉ tiêu sử dụng đất giao thông (kể cả giao thông tĩnh): 13 - 15 m²/người; Chỉ tiêu cấp nước sinh hoạt: ≥ 150 lít/người/ngày đêm; Tỷ lệ dân được cấp nước: 100%; Chỉ tiêu cấp điện sinh hoạt: 1500 kWh/người/năm; Thoát nước bản và vệ sinh đô thị: Chỉ tiêu thoát nước thải công nghiệp: $\geq 80\%$ lượng nước cấp. Chỉ tiêu thoát nước thải sinh hoạt: 100% lượng nước cấp; Chỉ tiêu xử lý đối với chất thải rắn: 1,0 kg/người-ngày, tỷ lệ thu gom $\geq 95\%$.

Cơ sở hạ tầng phục vụ lợi ích xã hội: Xây dựng đồng bộ, hoàn chỉnh các cơ sở hạ tầng xã hội phục vụ công cộng trong đô thị, bảo đảm nâng cao mức sống và chất lượng sống cho người dân về y tế, giáo dục, văn hóa - thể dục thể thao, du lịch, thương nghiệp...

4.2. Định hướng phát triển đô thị:

Trước năm 2020, Dĩ An đạt các tiêu chí đô thị loại II; Đến năm 2030, Dĩ An đạt tiêu chí đô thị loại I; Đến năm 2040 là đô thị hiện đại; phát triển bền vững.

a) Định hướng tổ chức không gian đô thị:

- Mô hình phát triển đô thị: Phát triển đô thị Dĩ An theo mô hình tập trung đa cực; Đô thị nén mật độ cao; Các tuyến giao thông chính và đầu mối giao thông tạo động lực phát triển.

- Các khu phát triển mới:

+ Khu dịch vụ thương mại gắn với ga Sóng Thần; Khu vực thương mại dịch vụ cao tầng kết hợp ở gắn với bên xe Miền Đông và các khu vực trạm dừng Metro dọc Vành đai 3 theo mô hình TOD (phát triển đô thị gắn với giao thông công cộng).

+ Phát triển mạnh các khu ở mới mật độ trung bình tại các khu vực phía Bắc của thị xã trên cơ sở gắn với tuyến Metro dọc Vành đai 3.

+ Phát triển dịch vụ dọc Quốc lộ 1K gắn với Đại học quốc gia thành phố Hồ Chí Minh.

+ Chuyển đổi các cơ sở sản xuất trong khu dân cư và một số khu, cụm công nghiệp sang dịch vụ - thương kết hợp khu ở.

+ Cải tạo, chỉnh trang các khu ở kết hợp với phát triển các khu ở mới dọc theo trục chính Đông Tây.

+ Phát triển mới và mở rộng các khu Logistic - dịch vụ - Đô thị khu vực Bình Chánh giáp sông Đồng Nai.

b) Cấu trúc đô thị:

- Khu đô thị số 1: Khu đô thị trung tâm hành chính - chính trị, văn hóa - thể dục thể thao gồm một phần phường Dĩ An, một phần phường Đông Hòa và một phần phường Tân Đông Hiệp.

+ Phát triển khu trung tâm hành chính, lấy trung tâm thị xã Dĩ An làm hạt nhân phát triển, các tuyến giao thông chính và đầu mối giao thông tạo động lực phát triển. Chính trang lại các khu dân cư hiện hữu;

+ Phát triển các khu đô thị mới theo mô hình “Đô thị nén” mật độ cao.

- Khu đô thị số 2: Khu đô thị công nghiệp công nghệ cao (khu công nghiệp Sóng Thần 1, 2) gồm một phần phường Dĩ An và một phần phường Tân Đông Hiệp.

+ Phát triển cải tạo các khu công nghiệp thành các công nghiệp theo hướng công viên công nghiệp công nghệ cao;

+ Phát triển giao thông đầu mối chính, tạo động lực phát triển cho các khu vực lân cận;

+ Cải tạo, chỉnh trang khu ở hiện hữu. Phát triển thương mại, dịch vụ phục vụ phát triển công nghiệp.

- Khu đô thị số 3: Khu đô thị dịch vụ kết hợp các khu ở mật độ trung bình, tập trung phía Bắc thị xã Dĩ An gồm phường Tân Bình và một phần phường Tân Đông Hiệp.

+ Phát triển các khu đô thị mới tập trung tại nút giao tuyến Metro dọc Vành đai 3 với các đường Nguyễn Thị Minh khai và Bắc Nam 8;

+ Phát triển các khu ở mới từ các khu vực chuyển đổi công năng các khu sản xuất công nghiệp;

+ Hình thành các khu đô thị mới trên cơ sở các dự án đang hình thành.

- Khu đô thị số 4: Khu đô thị dịch vụ Cảng (logistics), du lịch và thương mại dịch vụ gồm một phần phường Bình An và một phần phường Bình Thắng.

+ Phát triển các chức năng về dịch vụ cảng, các trụ sở cơ quan, công ty ... và các chức năng chuyên ngành quy mô lớn theo mô hình hiện đại, có khu vực cao tầng, đa chức năng;

+ Phát triển trung tâm dịch vụ, thương mại cấp vùng và các khu hỗn hợp tích hợp đa chức năng dọc theo tuyến Mỹ Phước - Tân Vạn (Vành đai 3);

+ Phát triển dịch vụ hỗ trợ phục vụ cho du lịch tại khu vực núi Châu Thới (phường Bình An), khu vực hồ đá (phường Tân Đông Hiệp).

- Khu đô thị số 5: Khu đô thị giáo dục, đào tạo cấp vùng (Đại học quốc gia thành phố Hồ Chí Minh) gồm một phần phường Bình An, một phần phường Bình Thẳng và một phần phường Đông Hòa.

+ Phát triển dịch vụ thương mại hỗn hợp, kết nối với bến xe Miền Đông, Đại học quốc gia thành phố Hồ Chí Minh và Cụm cảng Logistic Tân Vạn;

+ Đầu tư xây dựng Làng đại học (Đại học quốc gia thành phố Hồ Chí Minh) kết hợp với các chức năng dịch vụ đầu mối cấp vùng nhằm tạo ra hiệu ứng phát triển đô thị cho không gian xung quanh;

+ Phát triển khu đô thị mới xung quanh khu vực bến xe Miền Đông, kết hợp dịch vụ thương mại, khu phức hợp phát triển cao tầng theo mô hình TOD.

5. Quy hoạch sử dụng đất theo các chức năng:

5.1. Cơ cấu sử dụng đất toàn đô thị:

STT	Loại đất	Giai đoạn đến năm 2030			Giai đoạn đến năm 2040		
		Diện tích	Tỷ lệ	Chỉ tiêu	Diện tích	Tỷ lệ	Chỉ tiêu
		(ha)	(%)	(m ² /người)	(ha)	(%)	(m ² /người)
A	ĐẤT XÂY DỰNG ĐÔ THỊ	5.854,0	97,4	97,6	5.854,0	97,4	83,6
I	Đất dân dụng	4.293,7	71,4	71,6	4.345,9	72,3	62,1
1	Đất ở	3.014,3	50,2	50,2	3.066,5	51,0	43,8
	<i>Đất ở Cải tạo chỉnh trang (Nhóm nhà ở)</i>	<i>1.279,3</i>			<i>1.279,3</i>		
	<i>Đất ở - dự án</i>	<i>850,6</i>			<i>850,6</i>		
	<i>Đất ở Hỗn hợp</i>	<i>678,3</i>			<i>730,5</i>		
	<i>Đất ở Mật độ thấp</i>	<i>206,1</i>			<i>206,1</i>		
2	Đất trung tâm hành chính đô thị	22,2	0,4	0,4	22,2	0,4	0,3
3	Đất dịch vụ đô thị (y tế, giáo dục, văn hoá, thương mại,...)	131,3	2,2	2,2	131,3	2,2	1,9
	<i>Đất y tế, giáo dục, văn hoá, thương mại,...</i>	<i>115,5</i>			<i>115,5</i>		
	<i>Đất trường THPT</i>	<i>15,8</i>			<i>15,8</i>		
4	Đất cây xanh tập trung-quãng trường công viên đô thị, cây xanh cách ly, quãng trường, đất du lịch)	554,2	9,2	9,2	554,2	9,2	7,9

5	Đất giao thông	571,7	9,5	9,5	571,7	9,5	8,2
II	Đất ngoài dân dụng	1.560,3	26,0		1.508,2	25,1	
1	Đất công nghiệp	623,6	10,4		571,5	9,5	
2	Đất trường Đại học- Cao đẳng-Trung cấp	650,1	10,8		650,1	10,8	
3	Đất giao thông, đầu mối hạ tầng kỹ thuật	41,8	0,7		41,8	0,7	
4	Đất ga, đường sắt	67,5	1,1		67,5	1,1	
5	Đất dịch vụ công nghiệp (kho tàng, cảng logistic...)	56,9	0,9		56,9	0,9	
6	Đất nghĩa trang	70,3	1,2		70,3	1,2	
7	Đất mặt nước (suối, kênh, rạch...)	50,1	0,8		50,1	0,8	
B	ĐẤT KHÁC	156,0	2,6		156,0	2,6	
1	Đất tôn giáo, tín ngưỡng	51,2	0,9		51,2	0,9	
2	Đất quốc phòng, an ninh	88,4	1,5		88,4	1,5	
3	Đất mặt nước (sông)	16,4	0,3		16,4	0,3	
C	TỔNG CỘNG	6.010,0	100,0		6.010,0	100,0	
	DÂN SỐ (người)			600.000			700.000

5.2. Các khu chức năng chính:

a) Trung tâm hành chính:

Duy trì phát triển khu trung tâm hành chính Dĩ An phục vụ hành chính cho toàn đô thị. Các Trung tâm hành chính cấp phường giữ nguyên theo hiện hữu; riêng Trung tâm phường Bình An di dời theo định hướng quy hoạch phân khu được duyệt. Tổ chức sắp xếp, nâng cấp, cải tạo chỉnh trang quỹ đất an ninh, quốc phòng theo quy hoạch chuyên ngành.

b) Phát triển các khu ở:

- Phát triển các khu ở hỗn hợp kết hợp với thương mại – dịch vụ, tập trung trên các đường chính đô thị (Quốc lộ 1K, Quốc lộ 1A, Vành đai 3 ...).
- Cải tạo các khu ở hiện hữu tại các trung tâm các phường trên địa bàn thị xã.

- Phát triển các khu nhà ở thấp tầng, nhà vườn dọc theo sông, suối tập trung tại khu vực phường Tân Bình.

Khuyến khích phát triển các khu ở mới mật độ cao từ việc chuyển mục đích từ đất các sản xuất sang.

c) Phát triển thương mại, dịch vụ, du lịch:

- Thương mại: Hình thành các hành lang phát triển về dịch vụ - thương mại trên các trục giao thông đối ngoại quan trọng như: Quốc lộ 1K, ĐT.743, đường vành đai 3 (Mỹ Phước – Tân Vạn). Định hướng phát triển các Trung tâm thương mại – dịch vụ gắn với Đại học quốc gia và đầu mối giao thông quan trọng (TOD) tập trung tại phường Bình Thắng, Tân Đông Hiệp,... và các trạm giao thông công cộng trong đô thị.

- Dịch vụ: Phát triển mạnh các ngành dịch vụ về tài chính, ngân hàng, xuất nhập khẩu, thương mại, vận tải chuyên dùng (logistic), du lịch, viễn thông, đào tạo, khoa học công nghệ, công nghệ phần mềm, dịch vụ tư vấn pháp luật, hỗ trợ kinh doanh... từng bước nâng cấp để dịch vụ trở thành ngành kinh tế chiếm tỷ trọng lớn trong cơ cấu kinh tế của thị xã Dĩ An. Định hướng khu vực phát triển tập trung tại phường Dĩ An, Tân Bình, Bình Thắng, Bình An; Tại các điểm trung tâm nhà ga, quảng trường, ga: hình thành các trung tâm dịch vụ công cộng; định hướng tổ chức phát triển theo hình thức TOD.

Du lịch: Phát triển du lịch tại các khu vực núi Châu Thới, suối Lò Ô, khu di tích lịch sử Hồ Lang, khu vực hồ đá (phường Tân Đông Hiệp, Bình An),... nhằm tái tạo cảnh quan sinh thái cho đô thị cũng như việc sử dụng quỹ đất hiệu quả phù hợp với thực trạng và định hướng phát triển.

d) Phát triển văn hóa, giáo dục, y tế:

- Phát triển Văn hóa:

+ Giữ nguyên hiện trạng các công trình văn hóa hiện có. Xây dựng mới khu công viên cây xanh theo quy hoạch được duyệt. Cải tạo và hoàn chỉnh mạng lưới công trình văn hóa theo quy hoạch được duyệt.

+ Thiết lập hệ thống quảng trường văn hóa, các không gian giao lưu cộng đồng, các không gian đi bộ gắn với các công trình tượng đài, tượng đường phố, tranh tường nghệ thuật lớn... gắn kết với các khu cây xanh, công viên, cơ quan, công trình hành chính công cộng, cơ quan công sở, khu vui chơi giải trí.

- Phát triển giáo dục:

+ Về giáo dục: Giữ nguyên vị trí và mở rộng các trường hiện hữu cho phù hợp với nhu cầu phát triển của đô thị trong tương lai. Phát triển giáo dục đồng bộ và toàn diện trên địa bàn thị xã, đáp ứng cơ bản nhu cầu học tập của con em người dân ở bậc học mầm non và phổ thông; Hoàn thành và nâng cao chất lượng phổ cập bậc Trung học.

+ Cấp giáo dục Trung học phổ thông: Định hướng có 6 trường: 3 trường hiện hữu (THPT Dĩ An, THPT Nguyễn Hiền và THPT Bình An). Đến năm 2040 sẽ xây mới thêm 3 trường (1 trường tại phường An Bình, 2 trường tại phường Tân Bình). Ngoài ra, sau khi chuyển công năng đất sản xuất thành đất ở cần bổ sung thêm các dự án giáo dục để đảm bảo nhu cầu học tập trên toàn thị xã Dĩ An. Ngoài ra, sau khi chuyển công năng đất sản xuất thành đất ở hỗn hợp cần bổ sung thêm các dự án giáo dục để đảm bảo nhu cầu học tập trên toàn đô thị Dĩ An.

+ Về đào tạo: Làng đại học (Đại học quốc gia thành phố Hồ Chí Minh) là cơ sở quan trọng về giáo dục, đào tạo trong vùng kinh tế trọng điểm phía Nam. Mục tiêu lập điều chỉnh quy hoạch nhằm đáp ứng yêu cầu về quy mô đào tạo và các chức năng mới theo kế hoạch chiến lược phát triển của Đại học quốc gia thành phố Hồ Chí Minh. Bên cạnh đó tiếp tục duy trì, nâng cấp, cải tạo các trường dạy nghề, trung cấp, cao đẳng hiện có nhằm nâng cao chất lượng đào tạo tay nghề chất lượng cao, phục vụ yêu cầu phát triển của các công viên công nghiệp công nghệ cao trong tương lai.

- Phát triển y tế:

+ Xây dựng, nâng cấp các trung tâm dịch vụ y tế, chăm sóc sức khỏe tại phường trên địa bàn thị xã. Nâng cấp các cơ sở y tế, thiết lập, củng cố và hoàn thiện mạng lưới y tế: Bệnh viện Quân đoàn 4, Bệnh viện Đa khoa Dĩ An,...

+ Định hướng đến năm 2040, ưu tiên phát triển dịch vụ y tế theo hình thức xã hội hoá nhằm nâng cao hiệu quả khám chữa bệnh cho người dân trong và ngoài đô thị. Ưu tiên kêu gọi đầu tư phát triển tại các vị trí đất công do các phường quản lý.

e) Khu công nghiệp:

- Không phát triển mới các cơ sở sản xuất nằm ngoài khu công nghiệp; Kiên quyết di dời các cơ sở gây ô nhiễm môi trường, khuyến khích chuyển đổi sang các chức năng đất đô thị, công cộng, dịch vụ hoặc các công trình khác không ô nhiễm; tạo điều kiện, hỗ trợ các cơ sở sản xuất công nghiệp nằm xen lẫn trong các khu dân cư di chuyển vào các khu, cụm công nghiệp tập trung.

- Sau năm 2030 các khu công nghiệp Sóng Thần 1, 2, Tân Đông Hiệp B sẽ nâng cấp thành công viên công nghiệp - công nghệ cao.

f) Hệ thống cây xanh, mặt nước, thể dục thể thao và không gian mở:

- Không gian xanh đô thị gồm có: khu cây xanh thể dục - thể thao, công viên, vườn hoa thị xã và khu ở; công viên dải đô thị kết nối các khu ở, trung tâm đô thị.

- Không gian xanh sinh thái: Phát triển khu sinh thái tại phường Bình An gắn với núi Châu Thới; Vùng cây xanh cách ly, có thể bố trí các điểm dịch vụ, vui chơi giải trí quy mô nhỏ kết hợp với các bãi đỗ xe tĩnh. Kiểm soát xây dựng, dân cư khu vực này hạn chế không xây dựng mới, mật độ ở và mật độ xây dựng.

6. Định hướng quy hoạch hệ thống hạ tầng kỹ thuật đô thị:

6.1. Quy hoạch hệ thống giao thông:

a) Giao thông đối ngoại:

- Đường bộ: Quốc lộ 1A (Cải tạo nâng cấp lộ giới 113,5m bao gồm các làn xe cao tốc, các làn nội bộ với các giải phân cách cùng tuyến metro Bến Thành - Suối Tiên), đường Xuyên Á (lộ giới 120m, bố trí tuyến Metro song hành), vành đai 3 (Lộ giới 64,0m, đoạn qua thị xã Dĩ An trùng tuyến đường Mỹ Phước- Tân Vạn) và Cao tốc Hồ Chí Minh - Thủ Dầu Một - Chơn Thành (đoạn qua Dĩ An trùng tuyến ĐT.743B).

- Đường sắt:

+ Đường sắt quốc gia gồm có: tuyến Bắc - Nam (Đoạn tránh đi qua tỉnh Bình Dương nằm trong dự án đường sắt trên cao Trảng Bom - Hòa Hưng), tuyến Dĩ An - Lộc Ninh (từ ga Dĩ An đi qua Thủ Dầu Một, Chơn Thành, Lộc Ninh đến ga Hoa Lư tiếp giáp biên giới Campuchia); Tuyến thành phố Hồ Chí Minh - Mỹ Tho - Cần Thơ - Cà Mau.

+ Đường sắt đô thị: Tuyến số 01 (Thành phố mới - Suối Tiên) dài 28,2 km được điều chỉnh kéo dài thêm 1,8 km (theo lộ trình: điểm đầu tại ga trung tâm Thành phố mới theo đường Nguyễn Huệ đến ĐT.742, theo đường Mỹ Phước - Tân Vạn, đường 4QH (trong khu Công nghiệp dệt may Bình An), chạy dọc Quốc lộ 1A đến ga Suối Tiên).

- Đường thủy: Gồm có tuyến sông Đồng Nai và cảng chuyên dụng (Cảng kho xăng dầu Bình Thắng).

b) Đường trục chính đô thị:

- Quốc lộ 1K: Cải tạo nâng cấp Quốc lộ 1K hiện hữu, đoạn qua địa bàn thị xã Dĩ An với lộ giới 54,0m.

- Đường trục chính Đông Tây: Điều chỉnh tuyến trục chính Đông Tây trên cơ sở kết nối các đường hiện trạng; Cải tạo, nâng tuyến, mở rộng đường Ngôi Sao (lộ giới 32,0m) mở mới một đoạn nối đường Trần Hưng Đạo (22,0m), Lý Thường Kiệt (22,0m), ĐT.743C (42,0m).

- ĐT.743A sẽ trở thành đường đô thị lộ giới 25,0m, ĐT.743B lộ giới 74,0m, ĐT.743C lộ giới 42,0m.

- Tuyến vành đai Đông Bắc 1, vành đai Đông Bắc 2, Bắc - Nam 6: lộ giới 30,0m.

- Tuyến Lê Hồng Phong, Đông Tây 4 (Bùi Thị Xuân), Lê Văn Tách: lộ giới 22,0m.

- Tuyến Nguyễn An Ninh: lộ giới 24.5m.

- Đại lộ Độc lập: lộ giới 40,0m.

c) Các công trình giao thông:

- Ga đường sắt bao gồm: Ga Dĩ An (vị trí Km 0+000 tương ứng với Km 1706+713 của đường sắt Thống Nhất hiện hữu, vị trí Km 1705+413 giữ nguyên hiện trạng), ga An Bình (Km 1706+430), trạm khách Nghĩa Sơn (Km 1697+4500), trạm khách Sóng Thần (Km 1709+010), trạm khách Tân Bình (Km 03+600).

- Ga Metro - Depot: Phát triển kết hợp TOD khu vực nút giao phường Bình Thẳng (1,84ha) và TOD khu vực phường Tân Đông Hiệp (11,54ha).

- Bến xe Miền Đông mới: Đạt tiêu chuẩn bến loại 1, tại phường Long Bình quận 9, Tp. Hồ Chí Minh và phường Bình Thẳng, thị xã Dĩ An.

- Nút giao thông: định hướng các nút giao khác mức giữa Mỹ Phước - Tân Vạn (vành đai 3) các trục chính như Quốc lộ 1K, ĐT.743A, cao tốc Hồ Chí Minh - Thủ Dầu Một - Chơn Thành; Nút giao giữa đường sắt và đường bộ tuân thủ theo quy hoạch đường sắt được duyệt.

- Bãi đỗ xe công cộng: Bố trí ở các vị trí ga xe lửa, bến cảng, các công trình cao tầng, các cơ quan lớn, cơ quan khoa học kỹ thuật và đào tạo.

- Hệ thống cảng cạn: ICD Sóng Thần, ICD TBS - Tân Vạn, cảng Tân Vạn.

- Giao thông công cộng:

+ Hệ thống Metro: Tuyến số 01 (Thành phố Mới - Suối Tiên) là tuyến kết nối trung tâm tỉnh Bình Dương, thị xã Thuận An, thị xã Dĩ An với Khu du lịch Suối Tiên. Đồng thời, cùng tuyến Metro số 01 (Suối Tiên - Bến Thành) của thành phố Hồ Chí Minh.

+ Hệ thống xe buýt: Bố trí các tuyến đối ngoại, đối nội, các tuyến nhánh và tuyến gom bảo đảm lưu thông công cộng trên toàn đô thị.

+ Hệ thống BRT: BRT Thành phố Mới - Suối Tiên dọc đường Mỹ Phước-Tân Vạn; Ga trung tâm - Hùng Vương - ĐT.742 - Mỹ Phước - Tân Vạn - Suối Tiên (tuyến BRT).

Tổng hợp hệ thống giao thông đường bộ

STT	LOẠI ĐƯỜNG (TÊN ĐƯỜNG)	LỘ GIỚI(m)	LÒNG ĐƯỜNG (m)	VỈA HÈ(m)	DẢI PHÂN CÁCH (m)
A	ĐƯỜNG CAO TỐC				
1	Mỹ Phước-Tân Vạn (Vành Đai 3)	64	47	12	5
2	ĐT 743B	74	41	18	15
B	ĐƯỜNG QUỐC LỘ				
1	Quốc lộ 1A	113,5	53	10	50,5
2	Đường Xuyên Á	120	76	28	16
3	Quốc lộ 1K	54	32,4	12	9,6
C	ĐƯỜNG TỈNH				
1	ĐT 743A (743-1, 743-2)	25	15	10	0
2	Đường Mỹ Phước - Tân Vạn (nối dài)	33	24	6	3
D	ĐƯỜNG TRỰC CHÍNH ĐÔ THỊ				
1	Trục chính Đông Tây	32	22	8	2
		22	12	10	0
2	Vành Đai Đông Bắc 2	30	15	12	3
3	Lê Hồng Phong	22	12	10	0
4	Nguyễn An Ninh	24,5	15	8	1,5
5	Bắc Nam 6	30	15	12	3
6	Đông Tây 4 (Bùi Thị Xuân)	22	12	10	0
7	Đại Lộ Độc Lập	40	20	15	5
8	Vành Đai Đông Bắc 1	30	15	12	3
9	Lê Văn Tách	22	12	10	0

E	ĐƯỜNG LIÊN KHU VỰC				
1	Bắc Nam 8	22	12	10	0
2	Nguyễn Thị Minh Khai	22	12	10	0
3	Nguyễn Trãi	22	12	10	0
4	Đại Lộ Thống Nhất	54	40	14	0
5	Đường Số 2 KCN	17	7	10	0
6	Đường An Bình	22	12	10	0
7	Đường GS1	33	17	9,5	6,5
8	Đường LK 04 (Làng Đại Học)	21,5	11,5	10	0
9	Đường TC 07 (Làng Đại Học)	41,5	15	25	1,5
10	Đường Trục Trung Tâm (Làng Đại Học)	41,5	15	25	1,5
11	Đường TC 04 (Làng Đại Học)	41,5	15	25	1,5
12	Đường TC Trung Tâm (Làng Đại Học)	41,5	15	25	1,5
13	Đường Thống Nhất	22	12	10	0
14	Nguyễn Tri Phương	22	12	10	0
15	Bắc Nam 3	30	22	6	2
16	Đường N12	17	7	10	0
17	Bắc Nam 2 (30-4)	30	15	12	3
F	ĐƯỜNG KHU VỰC				
1	Đường Tân Hiệp	17	7	10	0
2	Đường Tân Thiều	17	7	10	0
3	Đường D8 (Tân Bình)	21	9	12	0
4	Đường Trần Quang Diệu	22	12	10	0
5	Đường D7 (khu TDC Tân Bình)	30	16	12	2
6	Đường Đông Tây 3	22	12	10	0
7	Đường Vũng Thiện	25	15	10	0
8	Đường Đông Tây 2	22	12	10	0
9	Đường Chiêu Liêu	22	12	10	0

10	Đường Nguyễn Du	17	7	10	0
11	Đường Lê Quý Đôn	17	7	10	0
12	Đường Phạm Hữu Lầu	17	7	10	0
13	Đường Số 3 KCN	17	7	10	0
14	Đường Số 21 KCN	20	10	10	0
15	Đường Số 19 KCN	26	16	10	0
16	Đường Số N16 KCN	17	7	10	0
17	Đường Đông Minh	17	7	10	0
18	Bắc Nam 5	17	7	10	0
19	Đường D5 (Bình An)	22	12	10	0
20	Đường Nguyễn Hữu Cảnh	16	9	7	0
21	Đường Ống Nước Hoá An -Thủ Đức	58	18	10	30
22	Đường VĐ 03 (Làng Đại Học)	25	15	10	0
23	Đường Bình Thung	22	12	10	0
24	Đường N10	17	7	10	0
25	Đường N4-B	22	12	10	0
26	Đường N6	17	7	10	0
27	Đường N13	21,5	11,5	10	0
28	Bắc Nam 1	22	12	10	0
29	Đường TC 06 (Làng Đại Học)	25	15	10	0
30	Đường TC 04 (Làng Đại Học)	25	15	10	0

6.2. Quy hoạch chuẩn bị kỹ thuật đất xây dựng:

a) Quy hoạch san nền:

- Các khu vực trũng thấp có cao độ thấp hơn 3,0-3,15m ven sông Đồng Nai, trên địa bàn các phường Bình Thắng, Bình An và Tân Bình. Quy hoạch nâng cao nền đất vượt đỉnh lũ tính toán của sông Đồng Nai với cao trình $\geq 3,0\text{m}$ cho khu vực phường Bình Thắng và Bình An, cao trình $\geq 3,15\text{m}$ cho khu vực phường Tân Bình.

- Phần lớn địa hình có độ dốc nhỏ dưới 4%. Quy hoạch cao độ nền chủ yếu bám sát địa hình tự nhiên. Cao độ nền không chế dọc theo các trục đường chính đô thị có cao trình từ 3,0-33,0m.

- Trên các khu vực dự kiến phát triển đô thị có địa hình sườn đòi tương đối phức tạp với độ dốc trung bình hơn 4%-8%, thuộc địa phận các phường Bình Thắng, Bình An, Tân Bình; quy hoạch cao độ nền bám theo địa hình tự nhiên, cân bằng khối lượng đào đắp với cự ly vận chuyển nhỏ nhất.

- Khối lượng đất đắp: Chỉ tính cho các khu vực xây dựng mới hoàn toàn; các công trình xen cây sẽ tính vào các dự án khả thi cụ thể.

b) Quy hoạch hệ thống thoát nước mưa:

Hệ thống thoát nước thị xã được thu gom vào các tuyến kênh tiêu chính, sau đó đổ ra các nhánh suối, kênh rạch và sông Đồng Nai. Toàn khu thoát nước theo 5 lưu vực chính:

- Lưu vực 1: Suối Siệp, suối Cây Trường, suối Cây Sao,... thoát nước cho khu vực phía Bắc (gồm phường Tân Bình và một phần phường Tân Đông Hiệp).

- Lưu vực 2: suối Siệp, rạch Cái Cầu, kênh T1, kênh T2, T4, T5A thoát nước cho khu vực phía Đông Bắc (gồm phía đông phường Tân Đông Hiệp, phía bắc phường Dĩ An).

- Lưu vực 3: suối Lò Ô thoát nước cho khu vực phía Đông (gồm phường Bình An và phường Bình Thắng).

- Lưu vực 4: suối Nhum, kênh T5B và kênh T6 thoát nước cho phía Tây Nam (gồm một phần phường Dĩ An, Đông Hòa).

- Lưu vực 5: kênh Ba Bò thoát nước cho khu vực phía Tây (gồm phía tây phường Tân Đông Hiệp và Dĩ An).

6.3. Quy hoạch hệ thống cấp nước:

Tổng nhu cầu cấp nước thị xã Dĩ An đến năm 2040 là: 215.000m³/ngđ, trong đó cấp nước cho các khu công nghiệp: 11.164 m³/ngđ.

Nguồn nước: nhà máy nước Dĩ An công suất 200.000 m³/ngày; Năm 2019 dự kiến tăng công suất nhà máy thêm 50.000 m³/ngày để đảm bảo công suất cấp nước cho toàn thị xã và các khu vực lân cận.

Mạng lưới truyền tải và phân phối thiết kế dạng mạng vòng có đường kính D100mm-D500mm. Xây dựng trạm bơm tăng áp cho từng khu vực phân phối nước đảm bảo đủ áp lực cho khu vực.

6.4. Quy hoạch hệ thống cấp điện:

Tổng nhu cầu dùng điện của thị xã Dĩ An là 572.227 kW.

a) Nguồn điện: ngoài các trạm 110kV hiện hữu, để bảo đảm nhu cầu về điện đến năm 2040, cần bổ sung thêm các trạm 110kV: Lắp máy T2 - trạm Tân Bình 63MVA, trạm Đông Hòa-2x63MVA, trạm Bình Thung-2x63MVA, trạm Sóng Thần 2 - 2x63MVA, trạm Tân Đông Hiệp 2 1x63MVA và đường dây đấu nối.

b) Lưới điện:

- Lưới cao thế: Xây dựng các nhánh rẽ 110kV để cung cấp cho các trạm 110 được đầu tư xây dựng mới.

- Lưới trung thế: Lưới 22kV trong khu vực trung tâm giai đoạn đầu có thể đi nổi dùng dây bọc; tương lai sẽ đi ngầm.

- Trạm lưới 22/0,4kV: Trên cơ sở nhu cầu dùng điện của từng khu vực bố trí các trạm lưới 22/0,4kV cho phù hợp với công suất yêu cầu. Máy biến áp dùng loại 3 pha. Bán kính phục vụ của các trạm đảm bảo $\leq 250\text{m}$.

- Lưới hạ áp 0,4kV: Đối với các tuyến 0,4kV hiện có vẫn giữ nguyên để cung cấp điện cho các phụ tải. Mạng lưới 0,4 kV xây dựng mới bố trí đi nổi (trong điều kiện kinh tế cho phép có thể bố trí đi ngầm).

c) Chiếu sáng: Chỉ tiêu chiếu sáng đường đảm bảo độ chói của mỗi loại đường. Toàn bộ các đường đều được chiếu sáng. Đường có mặt cắt $\geq 11\text{m}$ bố trí 2 tuyến chiếu sáng 2 bên đường. Đường có mặt cắt $< 11\text{m}$ bố trí 1 tuyến chiếu sáng 1 bên đường. Đối với các trục đường có dải phân cách bố trí tuyến chiếu sáng đi trên dải phân cách.

6.5. Quy hoạch hệ thống thông tin liên lạc:

- Hệ thống mạng ngoại vi: Ngầm hóa mạng cáp ngoại vi đang khai thác trên toàn bộ các tuyến đường thuộc khu vực quy hoạch. Mở rộng phát triển mạng cáp ngầm, bổ sung một số tuyến cáp mới nhằm kết nối mạng lưới thông tin trong khu và khu vực lân cận. Các tuyến đường cáp này được làm kết hợp đồng bộ với quá trình xây dựng cơ sở hạ tầng các ngành (giao thông, xây dựng, đô thị, công nghiệp...).

- Mạng di động: Phát triển mạnh hạ tầng cột ăng ten thu phát sóng ngụy trang. Chuyển đổi cột ăng ten loại A2 sang cột ăng ten loại A1 trên các tuyến đường và khu vực trung tâm hành chính. Phủ sóng thiết bị di động với các công nghệ mới trong tương lai, bố trí thêm các cột ăng ten phát sóng loại A1 (cột không cồng kềnh). Phát triển hệ thống ăng ten trạm thu phát sóng theo công nghệ đa tầng: một ăng ten có thể thu phát trên nhiều dải tần khác nhau.

6.6. Quy hoạch hệ thống thoát nước thải, chất thải rắn, nghĩa trang:

a) Hệ thống thoát nước thải:

Tổng công suất xử lý nước thải giai đoạn 2040 là: 161.811 m³/ngày đêm, trong đó nước thải sinh hoạt là 136.500 m³/ngày đêm và nước thải công nghiệp là 8.931 m³/ngày đêm.

Đối với nước thải sinh hoạt được chia thành 3 lưu vực thoát nước chính:

- Lưu vực 1: Khu vực phường Tân Bình sẽ được đưa về trạm xử lý đặt tại suối Bung Cù (phường Thái Hòa, thị xã Tân Uyên, Bình Dương). Công suất thiết kế 25.000 m³/ngày đêm.

- Lưu vực 2: Bao gồm phường Tân Đông Hiệp, phường Dĩ An, phường Đông Hòa, một phần phường An Bình đưa về nhà máy xử lý nước thải tại phường Tân Đông Hiệp, công suất giai đoạn 1 là 20.000m³/ ngày đêm, giai đoạn 2 là 45.000 m³/ngày đêm.

- Lưu vực 3: Bao gồm phường Bình An, phường Bình Thắng đưa về nhà máy xử lý nước thải tại phường Bình An (giai đoạn sau 2020).

Nước thải công nghiệp: Từng bước nâng công suất đạt công suất thiết kế và kiểm soát chặt chất lượng nước thải sau xử lý đảm bảo tiêu chuẩn, quy chuẩn Việt Nam QCVN 14/2011/BTNMT về môi trường trước khi xả ra nguồn tiếp nhận.

b) Quản lý chất thải rắn: Chất thải rắn đô thị phải được phân loại hữu cơ và vô cơ trước khi thu gom, vận chuyển đến trạm trung chuyển và nhà máy xử lý rác thải.

c) Quản lý nghĩa trang: Tuân thủ theo quy hoạch nghĩa trang của tỉnh, các nghĩa địa, nghĩa trang không quy hoạch từng bước di dời theo định hướng chung, cải tạo thành công viên cây xanh

6.7. Quy định về không gian, kiến trúc, cảnh quan đô thị: Việc thực hiện quản lý quy hoạch được quy định cụ thể trong “Quy định quản lý theo Đồ án Điều chỉnh tổng thể Quy hoạch chung thị xã Dĩ An đến năm 2040”.

7. Đánh giá môi trường chiến lược:

7.1. Chương trình quản lý môi trường:

- Đối với quản lý nước thải: đưa ra chương trình quản lý phát sinh nước thải, theo dõi hệ thống thu gom nước thải tránh gây tắc nghẽn đường ống thu nước mưa và nước thải. Giải quyết vấn đề hồng hóc, hư hại hệ thống đường ống, đánh giá khả năng thoát nước của hệ thống theo định kỳ.

- Tất cả các khu vực công trình công cộng (bệnh viện, khu du lịch, khu thương mại,..) đều có hệ thống thoát nước và hệ thống xử lý nước thải trước khi đầu nối ra hệ thống thu gom chung.

- Tái sử dụng nước thải sinh hoạt: Tái sử dụng nước thải sinh hoạt là giải pháp nhằm sử dụng bền vững nguồn nước trong tương lai, giảm áp lực về khả năng cung cấp nguồn nước cấp sinh hoạt cho cộng đồng, nhất là trong mùa khô khả năng thiếu nước rất có thể xảy ra.

- Đánh giá khả năng xử lý nước của trạm xử lý nước tập trung của toàn khu vực, thường xuyên kiểm tra chất lượng nước đầu ra của trạm, lập báo cáo chất lượng nước thải và khả năng thoát nước của hệ thống gửi về cơ quan quản lý chuyên ngành.

- Đẩy mạnh công tác tuyên truyền nhằm nâng cao ý thức bảo vệ môi trường của người dân trong toàn đô thị.

- Đối với quản lý chất thải: Trong cộng đồng dân cư, cần nâng cao ý thức về việc giảm thiểu ô nhiễm môi trường, giữ gìn cảnh quan. Tổ chức một số chương trình xã hội tuyên truyền về vệ sinh môi trường và các cách tái sử dụng rác thải sinh hoạt nhằm hạn chế tới mức tối đa sự phát thải rác sinh hoạt.

- Lồng ghép chương trình bảo vệ môi trường vào các chính sách phát triển kinh tế của đô thị; vào các bậc giáo dục từ tiểu học.

7.2. Chương trình giám sát môi trường:

- Giám sát chất thải: Đối với dự án phát sinh nguồn nước thải, khí thải lớn, tiềm ẩn nguy cơ gây ô nhiễm môi trường ở mức độ cao, phải có phương án thiết kế và lắp đặt các thiết bị đo lưu lượng và hệ thống quan trắc tự động, liên tục các thông số ô nhiễm đặc trưng trong chất thải.

- Đối với nước thải sinh hoạt chỉ cần giám sát thông qua các chỉ tiêu sau: BOD5, COD, N tổng số, P tổng số, SS, coliform. Địa điểm giám sát là đầu vào và đầu ra của trạm xử lý nước thải tập trung. Quy chuẩn so sánh QCVN 14:2008/BTNMT.

- Giám sát chất lượng nước ngầm: Thông số cần quan tâm về độ cứng, Nitrat (NO3), Sulfat (SO₄-2), pH, tổng Fe, tổng coliform.

- Giám sát môi trường xung quanh: Từng địa phương lập kế hoạch theo dõi có hệ thống về môi trường, theo dõi các yếu tố tác động lên môi trường nhằm cung cấp thông tin phục vụ đánh giá hiện trạng, diễn biến chất lượng môi trường và các tác động xấu đối với môi trường. Việc giám sát chất lượng môi trường kết hợp thông qua mạng lưới quan trắc quốc gia và mạng lưới quan trắc chất lượng môi trường địa phương.

- Các thông số giám sát đối với môi trường không khí xung quanh gồm: bụi tổng cộng, SO₂, NO_x, vi khí hậu, tiếng ồn. Giám sát 2 lần/ năm.

- Quy chuẩn so sánh: QCVN 05:2009/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng không khí xung quanh. QCVN 26:2010/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn.

8. Chương trình ưu tiên đầu tư và nguồn lực thực hiện:

8.1. Chương trình ưu tiên đầu tư:

- Đến 2020: Tập trung đầu tư vào một số dự án hạ tầng khung có tầm ảnh hưởng lớn đến sự phát triển kinh tế xã hội thị xã Dĩ An, khai thác quỹ đất công xây dựng các công trình hạ tầng xã hội, và hạ tầng kỹ thuật, giải quyết an sinh xã hội và nâng cao mức sống dân cư đô thị; bảo đảm các tiêu chí đô thị loại II.

- Đến 2030: Tiếp tục đầu tư hạ tầng kỹ thuật các tuyến đường giao thông (đường Vành Đai 3, đường Mỹ Phước Tân Vạn nối dài kết nối Bến xe Miền Đông, nâng cấp mở rộng đường ĐT.743B, Đại lộ Độc Lập kết nối nút giao thông Cầu vượt Sóng Thần ...), Xây dựng các khu vực phát triển đô thị (khu dịch vụ thương mại gắn với ga Sóng Thần, khu dịch vụ thương mại gần bến xe Miền Đông và các khu vực trạm dừng Metro dọc Vành đai 3 theo mô hình TOD...), Tiếp tục đầu tư kết cấu hạ tầng logistics (hiện đại hóa hạ tầng và trang thiết bị đối với các kho bãi hiện hữu, nâng cấp mở rộng ICD TBS – Tân Vạn liên thông với Cảng Bình Dương...)

- Đến năm 2040: Chuyển đổi các cơ sở sản xuất (sau khi hết niên hạn thuê đất) thành các khu dịch vụ thương mại, các công trình phúc lợi xã hội như giáo dục, y tế kết hợp khu ở. Đầu tư nâng cấp các khu công nghiệp Sóng Thần 1, 2, Tân Đông Hiệp thành công viên công nghiệp - công nghệ cao.

8.2. Nguồn lực thực hiện: Vốn ngân sách nhà nước; Vốn xã hội hóa (FDI doanh nghiệp trong nước ...); Vốn khác (Vay ODA, XSKT); Vốn từ các nhà đầu tư trong và ngoài nước; Khai thác tiềm năng của giá trị đất để phát triển đô thị.

9. Thành phần hồ sơ điều chỉnh quy hoạch:

- Thuyết minh tổng hợp, bản vẽ A3 thu nhỏ; phụ lục kèm theo thuyết minh (Các giải trình, Giải thích, luận cứ bổ sung cho thuyết minh; Bản vẽ minh họa; Các số liệu tính toán). Phụ lục đính kèm văn bản pháp lý liên quan.

- Thành phần bản vẽ:

+ Sơ đồ vị trí và liên hệ vùng;

+ Bản đồ hiện trạng sử dụng đất, kiến trúc cảnh quan, hệ thống hạ tầng xã hội; tỷ lệ 1/10.000;

- + Bản đồ đánh giá tổng hợp đất xây dựng; tỷ lệ 1/10.000;
- + Bản đồ hiện trạng cao độ nền, cấp - thoát nước; tỷ lệ 1/10.000;
- + Bản đồ hiện trạng giao thông, điện, chiếu sáng; tỷ lệ 1/10.000;
- + Bản đồ hiện trạng thu gom chất thải rắn, nghĩa trang, môi trường; tỷ lệ 1/10.000;
- + Sơ đồ cơ cấu phát triển đô thị;
- + Bản đồ định hướng phát triển không gian đô thị; tỷ lệ 1/10.000;
- + Bản đồ quy hoạch sử dụng đất và phân khu chức năng theo các giai đoạn quy hoạch; tỷ lệ 1/10.000;
- + Bản đồ quy hoạch định hướng phát triển hệ thống giao thông đô thị; tỷ lệ 1/10.000;
- + Bản đồ quy hoạch định hướng phát triển hệ thống thoát nước mưa; tỷ lệ 1/10.000;
- + Bản đồ quy hoạch định hướng phát triển hệ thống cấp nước; tỷ lệ 1/10.000;
- + Bản đồ quy hoạch định hướng phát triển hệ thống thoát nước thải; tỷ lệ 1/10.000;
- + Bản đồ quy hoạch định hướng phát triển hệ thống cấp điện; tỷ lệ 1/10.000;
- + Bản đồ quy hoạch định hướng phát triển hệ thống thông tin liên lạc; tỷ lệ 1/10.000;
- + Bản đồ tổng hợp đường dây, đường ống kỹ thuật; tỷ lệ 1/10.000;
- + Bản đồ đánh giá môi trường chiến lược; tỷ lệ 1/10.000;
- + Các bản vẽ thiết kế đô thị theo quy định của Bộ Xây dựng tại Thông tư số 06/2013/TT-BXD;
- Quy định quản lý theo đồ án quy hoạch chung đô thị: Nội dung theo quy định tại Khoản 1 Điều 35 Luật Quy hoạch đô thị và các bản vẽ A3 thu nhỏ kèm theo.
- Tờ trình và dự thảo Quyết định phê duyệt đồ án Điều chỉnh tổng thể quy hoạch chung thị xã Dĩ An đến năm 2040.
- Đĩa CD kèm theo hồ sơ Điều chỉnh tổng thể quy hoạch chung thị xã Dĩ An đến năm 2040.

Điều 2. Ủy ban nhân dân thị xã Dĩ An có trách nhiệm thực hiện các nội dung sau:

1. Tổ chức thực hiện công bố, công khai đồ án quy hoạch theo quy định tại Điều 53, 54 của Luật Quy hoạch đô thị gồm:

- Bản đồ định hướng phát triển không gian đô thị đến năm 2040;

- Bản đồ Quy hoạch sử dụng đất và phân khu chức năng đến năm 2030 và đến năm 2040;

- Các bản vẽ quy hoạch hệ thống hạ tầng kỹ thuật và bảo vệ môi trường;

2. Tổ chức lập và phê duyệt hồ sơ cấm mốc giới theo quy hoạch đã được phê duyệt gồm: Chỉ giới đường đỏ, chỉ giới xây dựng, cote xây dựng, ranh giới khu vực cấm xây dựng.

Điều 3. Quyết định này thay thế Quyết định số 2481/QĐ-UBND ngày 23/06/2009 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Dương về việc phê duyệt đồ án quy hoạch chung xây dựng đô thị Dĩ An đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030.

Điều 4. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc các Sở: Xây dựng, Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính, Tài nguyên và Môi trường, Giao thông Vận tải, Chủ tịch Ủy ban nhân dân thị xã Dĩ An, Thủ trưởng các cơ quan, ban ngành và các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành quyết định này, kể từ ngày ký./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH
Đã ký: Trần Thanh Liêm**